



M	DỊCH VỤ THẺ		Thẻ Tín dụng Visa/ MasterCard (1)										
			Hạng Chuẩn	Hạng vàng	Hạng Platinum	SeALady Cashback	SeA-Easy	BRG Elite	SeAGolf Platinum	SeATravel Platinum	Signature		
I	Phí dịch vụ												
	1	Phí phát hành (chỉ áp dụng với thẻ mở mới, không áp dụng với KH trả lương, thẻ phát hành theo gói và thẻ phát hành qua kênh online)	Thẻ chính	Miễn phí									
			Thẻ phụ	Miễn phí									
	2	Phí thường niên/ phí sử dụng thẻ (**)	Thẻ chính	330.000đ	440.000đ	990.000đ	495.000đ	440.000đ	330.000đ	2.200.000đ	2.200.000đ	3.300.000đ	
			Thẻ phụ	165.000đ	220.000đ	495.000đ	220.000đ	220.000đ	165.000đ	Không áp dụng	1.100.000đ	Miễn phí	
	3	Phí thay thế thẻ vật lý (miễn phí với KHUT)	Thẻ chính	110.000đ	110.000đ	220.000đ	110.000đ	110.000đ	110.000đ	220.000đ	220.000đ		
			Thẻ phụ	110.000đ	110.000đ	220.000đ	110.000đ	110.000đ	110.000đ	không áp dụng	220.000đ		
	4	Phí gia hạn (bao gồm trường hợp khách hàng chủ động và SeABank chủ động)		Miễn phí									
	5	Phí thay thế thẻ vật lý khẩn cấp	Thẻ chính	220.000đ								Miễn phí	
			Thẻ phụ	220.000đ									
	6	Phí cấp lại mật khẩu (PIN/EPIN)		55.000đ									
	7	Phí thay thế thẻ và phát hành lại PIN cho khách hàng trong trường hợp thẻ bị nuốt		Miễn phí									
	8	Thông báo mất cắp/thất lạc thẻ (trường hợp khách hàng yêu cầu cập nhập lên Tổ chức thẻ)		110.000đ									
	9	Khiếu nại (Áp dụng nếu khách hàng khiếu nại sai)		110.000đ									
	10	Phí đóng thẻ (***)		220.000đ						550.000đ	550.000đ	2.200.000đ	
	11	Cấp lại bản sao hóa đơn giao dịch (tại POS)	Trong hệ thống	Không áp dụng									
			Ngoài hệ thống										
	12	Phí cấp lại sao kê tại quầy	Không có xác nhận Ngân hàng	11.000đ								Miễn phí	
			Có xác nhận Ngân hàng (1 lần tối đa 2 bản)	33.000đ	55.000đ	88.000đ	55.000đ	33.000đ	33.000đ	88.000 đ	88.000đ		
13	Phí cấp phép giao dịch ngoài hạn mức (*)		Miễn phí										
14	Phí chậm thanh toán (*)		5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 199.000 đ										
15	Phí thay đổi hạn mức tín dụng của thẻ (*)		Miễn phí										
16	Phí thay đổi hạng thẻ		110.000đ			Không áp dụng							
17	Phí khóa, mở thẻ		Miễn phí										
18	Phí thay đổi hạn mức giao dịch (*)		Miễn phí										

M	DỊCH VỤ THẺ		Thẻ Tín dụng Visa/ MasterCard (1)								
			Hạng Chuẩn	Hạng vàng	Hạng Platinum	SeALady Cashback	SeA-Easy	BRG Elite	SeAGolf Platinum	SeATravel Platinum	Signature
	19	Phí dịch vụ SMS (Thu từ hạn mức tín dụng)	Miễn phí								Miễn phí
	20	Phí trả thẻ/ PIN giấy tại nhà	Miễn phí								
	21	Phí nhận E-PIN	Miễn phí								
	22	Phí hoàn tiền dương từ thẻ tín dụng (đư có vượt hạn mức thẻ tín dụng)	1.1 % số tiền Khách hàng yêu cầu hoàn lại tối thiểu 11.000 VND (với giá trị yêu cầu hoàn từ 100.000 VND trở lên)								
	23	Phí xác nhận thông tin thẻ/ tắt toán thẻ	110.000đ								
II	Phí Giao dịch										
	1	Phí chuyển đổi ngoại tệ và xử lý giao dịch (Áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ)	3.52%, tối thiểu 11.000đ		1.65%, tối thiểu 11.000đ		3.52%, tối thiểu 11.000đ			1.65%, tối thiểu 11.000đ	2.97%, tối thiểu 11.000đ
	2	Phí quản lý GD VNĐ tại các ĐVCNT nước ngoài	1.65% giá trị giao dịch tại các ĐVCNT nước ngoài, tối thiểu 5.500đ								
III	Giao dịch tại ATM										
	1	ATM của SeABank									
		1.1	Rút tiền	4.4% giá trị giao dịch, tối thiểu 110.000đ							Miễn phí
		1.2	Truy vấn số dư	Miễn phí							
		1.3	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán của chính chủ thẻ tại SeABank	Không áp dụng							
		1.4	Đổi mật khẩu (PIN)	Miễn phí							Miễn phí
		1.5	In sao kê	2.200đ							
	2	ATM liên minh									
		2.1	Rút tiền	4.4% giá trị giao dịch, tối thiểu 110.000đ							Miễn phí
		2.2	Truy vấn số dư	5.500đ							
		2.3	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán giữa hai tài khoản cùng hệ thống SeABank	Không áp dụng							
		2.4	Đổi mật khẩu (PIN)								

M	DỊCH VỤ THẺ			Thẻ Tín dụng Visa/ MasterCard (1)							
				Hạng Chuẩn	Hạng vàng	Hạng Platinum	SeALady Cashback	SeA-Easy	BRG Elite	SeAGolf Platinum	SeATravel Platinum
		2.5	In sao kê	5.500đ/lần							Miễn phí
IV	Giao dịch tại POS (Điểm bán hàng/ Đại lý chấp nhận thẻ)										
	1	POS của SeABank									
		1.1	Thanh toán hàng hóa	Miễn phí							Miễn phí
		1.2	Truy vấn số dư	2.200đ							
		1.3	In sao kê	Không áp dụng							
		1.4	Đổi PIN	Miễn phí							
	2	POS liên minh									
		2.1	Thanh toán hàng hóa	Miễn phí							
		2.2	Truy vấn số dư	Không áp dụng							
		2.3	In sao kê								
	V	Giao dịch qua Ebank/Ứng dụng hỗ trợ thanh toán									
	1	Ứng tiền mặt vào tài khoản thanh toán của chính chủ thẻ tại SeABank		Không áp dụng							
	2	Thanh toán hóa đơn (Billing, QR,Topup...)		Miễn phí							
	3	Thanh toán QR		Miễn phí							
	4	Thanh toán Dịch vụ hỗ trợ thanh toán trên ứng dụng Samsung Pay		Miễn phí							
VI	Phí dịch vụ trả góp (chỉ áp dụng cho thẻ tín dụng giao dịch tại đối tác liên kết)										
	1	Phí thiết lập giao dịch trả góp		Miễn phí							
	2	Phạt chậm thanh toán trả góp (*)		5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 110.000đ							
VII	Phí dịch vụ trả góp áp dụng cho thẻ tín dụng giao dịch ngoài đối tác liên kết.										
	1	Phí thiết lập giao dịch trả góp (*) (****)		0.8% giá trị chuyển đổi trả góp * số tháng khách hàng đăng ký trả góp (áp dụng cho thẻ tín dụng SeABank)							
	2	Phạt chậm thanh toán trả góp (*)		5.5% giá trị chậm thanh toán, tối thiểu 110.000đ							
VIII	Phí Giao dịch rút tiền của thẻ quốc tế do Ngân hàng khác phát hành trên ATM của SeABank										
	1	Thẻ VISA/MasterCard phát hành ngoài Việt Nam (bao gồm thẻ phát hành tại Châu Âu)		49.500 đ/giao dịch							Miễn phí
IX	Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ										
	1	Phí dịch vụ nhận tiền chuyển đến qua hệ thống của Tổ chức thẻ		1.1%/ giá trị giao dịch, tối thiểu 55.000 VND							

M	DỊCH VỤ THẺ	Thẻ Tín dụng Visa/ MasterCard (1)								
		Hạng Chuẩn	Hạng vàng	Hạng Platinum	SeALady Cashback	SeA-Easy	BRG Elite	SeAGolf Platinum	SeATravel Platinum	Signature

Lưu ý:

Biểu phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng, ngoại trừ các mục (*)

- (*) Các phí không thu VAT, bao gồm: Phí cấp phép giao dịch ngoài hạn mức, phí phạt chậm thanh toán, phí thay đổi hạn mức tín dụng, phí thay đổi hạn mức giao dịch, phí phạt chậm thanh toán trả góp, phí trả nợ trước hạn trả góp.
- (**) Phí thường niên thu tại thời điểm kích hoạt thẻ (đối với thẻ tín dụng), thời hạn phí thường niên được tính từ ngày T năm A đến hết ngày T -1 năm A+1 (A là năm phát hành thẻ). Đối với trường hợp phát hành lại thẻ do bị mất, phí thường niên sẽ được thu vào tháng phát hành lại thẻ mất từ các năm kế tiếp.
- (***) Chi áp dụng cho các thẻ đóng trước 12 tháng kể từ ngày mở thẻ và yêu cầu xuất phát từ khách hàng
- (****) Phí thiết lập trả góp sẽ được thu 01 lần ngay khi khách hàng đăng ký trả góp thành công và không được hoàn trả trong mọi trường hợp
- Đối với phí hoàn tiền dương từ thẻ tín dụng (dư có vượt hạn mức thẻ tín dụng): Không áp dụng với trường hợp Khách hàng yêu cầu hoàn tiền khi thẻ tín dụng đã đóng được 45 ngày và/ hoặc trường hợp Khách hàng được hoàn lại tiền sau khi tra soát liên quan đến thẻ tín dụng/ trường hợp SeABank thực hiện đóng thẻ chủ động của khách hàng.
- Các trường hợp không đề cập đến thẻ Phụ thì mức phí được áp dụng như thẻ Chính của biểu phí này.
- Phí quản lý giao dịch VND tại các ĐVCNT nước ngoài : thu ngay khi khách hàng phát sinh giao dịch VND tại các đơn vị chấp nhận thẻ nước ngoài bao gồm: Facebook, Google, TikTok. Giao dịch bị thu phí sẽ chứa nhóm ký tự (không phân biệt chữ hoa/ thường) theo quy định của SeABank.
- Trong trường hợp khách hàng phát hành lại thẻ do thẻ bị mất/ hoặc hư hỏng thẻ có cấp lại PIN sẽ được áp dụng đồng thời hai loại phí: Phí gia hạn/ thay thế thẻ vật lý và Phí cấp lại mật khẩu (PIN/e-PIN)
- Không thu phí phát hành lại thẻ trong trường hợp lỗi hệ thống, lỗi phát hành thẻ. Với thẻ BRG Elite, SeAGolf Hội viên: trường hợp phát sinh lỗi liên quan đến mã hội viên, Khách hàng sẽ được miễn phí phát hành lại thẻ
- Đối với các trường hợp hệ thống thu phí tự động thiếu, nếu được phát hiện, GDV của đơn vị mở thẻ sẽ thực hiện hạch toán thủ công khi hệ thống cho phép.
- Chi tiết phí trả góp tại đối tác liên kết sẽ theo quy định tại từng đối tác cụ thể